

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA KINH TẾ**

HỒ TRUNG THANH

**KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG TIÊU CHUẨN
MÔI TRƯỜNG TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ
CỦA MỘT SỐ MẶT HÀNG XUẤT KHẨU VIỆT NAM**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Chuyên ngành : Kinh tế chính trị XHCN
Mã số : 5.02.01
Người hướng dẫn khoa học : PGS. TS. Nguyễn Thế Chinh

HÀ NỘI, 2004

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết phải nghiên cứu đề tài

Hội nhập kinh tế diễn ra trong bối cảnh các vấn đề môi trường toàn cầu ngày càng nghiêm trọng. Phát triển bền vững trở thành mục tiêu của các nước trên thế giới. Hàng loạt các hiệp định/công ước khu vực và quốc tế về thương mại và môi trường được xây dựng và ngày càng có nhiều nước tham gia phê chuẩn và cam kết thực hiện.

Việc thực hiện các hiệp định/công ước quốc tế về môi trường trong bối cảnh tự do hoá thương mại đã góp phần tích cực hạn chế ô nhiễm, khuyến khích sản xuất và trao đổi sản phẩm thân thiện với môi trường. Tuy nhiên, các tiêu chuẩn và quy định về môi trường trong nhiều trường hợp đã trở thành "hàng rào xanh" trong buôn bán quốc. Trong điều kiện như vậy, việc đáp ứng các quy định và tiêu chuẩn môi trường trong thương mại quốc tế đang là thách thức đối với các nước.

Việt Nam đang trong quá trình hội nhập vào nền kinh tế thế giới. Hội nhập sẽ tạo nhiều thuận lợi cho Việt Nam trong việc mở rộng thị trường xuất khẩu, nhưng phải chấp nhận sự cạnh tranh hết sức gay gắt. Việc các nước nhập khẩu áp dụng ngày càng phổ biến các biện pháp môi trường trong thương mại có thể ảnh hưởng đáng kể đến khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu nước ta, một nước hiện nay và trong những năm tới xuất khẩu nhiều mặt hàng nhạy cảm về môi trường như nông sản, thủy sản và sản phẩm chế biến. Trong bối cảnh như vậy, việc đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường nhằm đảm bảo tăng trưởng xuất khẩu bền vững là hết sức cần thiết.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Trong những năm gần đây, đã có nhiều công trình nghiên cứu về mối quan hệ giữa thương mại và môi trường, đề cập đến một số khía cạnh của các biện pháp môi trường trong thương mại quốc tế và những tác động của chúng đối với vấn đề thuận lợi hoá thương mại. Tuy nhiên, chưa có công trình chuyên sâu nào nghiên cứu về hệ thống các quy định và tiêu chuẩn quốc tế về môi trường liên quan đến thương mại, chỉ ra khả năng và hạn chế của Việt Nam trong việc đáp ứng các yêu cầu môi trường nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu:

- Phân tích những ảnh hưởng của các biện pháp môi trường liên quan đến thương mại quốc tế đối với xuất khẩu hàng hoá;
- Giới thiệu kinh nghiệm của một số nước trong việc đáp ứng các yêu cầu về môi trường nhằm đẩy mạnh xuất khẩu;
- Đánh giá khả năng đáp ứng các quy định và tiêu chuẩn môi trường của một số mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam;
- Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng đáp ứng các quy định và tiêu chuẩn môi trường đối với một số mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường của một số mặt hàng xuất của Việt Nam. Phạm vi nghiên cứu là các tiêu chuẩn môi trường liên quan đến xuất khẩu của Việt Nam. Nhóm hàng xuất khẩu được lựa chọn nghiên cứu là nông sản và thủy sản trong thời gian từ 1996 - 2003.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết các nội dung của đề tài, luận văn sử dụng phương pháp nghiên cứu phổ biến là phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, đồng thời kết hợp với một số phương pháp cụ thể khác như khảo sát thực tế, phương pháp phân tích, so sánh, dự báo kinh tế và phương pháp chuyên gia.

6. Dự kiến đóng góp của luận văn:

- Làm cơ sở phương pháp luận cho việc đánh giá khả năng đáp ứng các yêu cầu môi trường của hàng xuất khẩu Việt Nam
- Làm căn cứ khoa học và thực tiễn cho việc hoạch định chính sách thương mại và môi trường theo hướng đảm bảo tăng trưởng xuất khẩu và bảo vệ môi trường.
- Giúp các doanh nghiệp điều chỉnh chiến lược kinh doanh đáp ứng các quy định và tiêu chuẩn quốc tế về môi trường nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và bảo vệ môi trường sinh thái ở nước ta.

7. Kết cấu của luận văn:

Luận văn được kết cấu thành 3 chương (ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo):

Chương 1: Hệ thống tiêu chuẩn môi trường trong thương mại quốc tế và tác động của nó đến cạnh tranh xuất khẩu.

Chương 2: Khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường của một số mặt hàng xuất khẩu Việt Nam.

Chương 3: Các giải pháp nhằm nâng cao khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường đối với một số mặt hàng xuất khẩu Việt Nam.

Chương 1

HỆ THỐNG TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NÓ ĐẾN CẠNH TRANH XUẤT KHẨU

1.1. MỐI QUAN HỆ GIỮA THƯƠNG MẠI VÀ MÔI TRƯỜNG

1.1.1. Bản chất mối quan hệ giữa thương mại và môi trường

Mối quan hệ giữa thương mại và môi trường là một trong những nội dung cơ bản của mối quan hệ giữa kinh tế và môi trường. Phần lớn thiệt hại môi trường có nguyên nhân từ sự gia tăng của các hoạt động kinh tế. Thương mại đóng vai trò ngày một lớn trong sự gia tăng các hoạt động kinh tế và vì thế là một trong những tác nhân quan trọng của những biến đổi môi trường. Mối quan hệ giữa thương mại và môi trường vô cùng phức tạp, bản chất của nó phản ánh sự tác động qua lại lẫn nhau giữa mục tiêu phát triển thương mại và việc bảo vệ môi trường. Phát triển thương mại thúc đẩy tăng trưởng kinh tế là một điều kiện thiết yếu cho việc bảo vệ môi trường. Đồng thời bảo vệ môi trường nhằm bảo tồn và phát triển tài nguyên thiên nhiên và sinh thái là sự cần thiết duy trì và mở rộng phát triển thương mại. Tuy nhiên thương mại cũng có thể tác động tiêu cực đến môi trường và áp dụng các biện pháp môi trường cũng có thể hạn chế phát triển thương mại.

1.1.2. Ảnh hưởng của môi trường đối với thương mại

Trước hết, môi trường cung cấp nguyên liệu đầu vào cho phát triển thương mại. Môi trường cũng đồng thời là nơi tiếp nhận chất thải của các hoạt động thương mại. Bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát triển các nguồn tài nguyên không tái tạo là cơ sở để phát triển thương mại bền vững.

Thứ hai, Các biện pháp môi trường có thể làm tăng khả năng cạnh tranh của hàng hoá, dịch vụ hoặc tạo rào cản hạn chế thương mại, bảo hộ mậu dịch, hạn chế khả năng cạnh tranh, bất bình đẳng trong thương mại quốc tế, thách thức đối với các nước đang phát triển, khó khăn đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ...

1.1.3. Ảnh hưởng của thương mại tới môi trường

Thứ nhất, thương mại ảnh hưởng đến môi trường bởi tính chất của hoạt động này. Thương mại vừa là nguyên nhân lây lan ô nhiễm vừa có thể phổ biến một cách nhanh nhất những sản phẩm và công nghệ thân thiện với môi trường.

Thứ hai, thương mại ảnh hưởng đến môi trường bởi tính quy mô của nó. Một mặt, hoạt động này làm tăng các yếu tố đầu vào, khuyến khích khai thác và sử dụng ngày càng nhiều các nguồn tài nguyên. Mặt khác, quy mô thương mại và sản xuất gia tăng sẽ làm tăng chất thải ô nhiễm từ hoạt động sản xuất và tiêu dùng.

Thứ ba, thương mại ảnh hưởng đến môi trường bởi tính cơ cấu của nó. Nếu cơ cấu sản xuất chuyển sang những hàng hoá ít tổn hại đến môi trường hơn, khi đó thương mại có tác dụng tốt đối với môi trường. Nếu một nước có khả năng cạnh tranh tốt đối với những sản phẩm dựa trên các nguồn tài nguyên thiên nhiên hoặc những hàng hoá khi sản xuất chúng có khả năng ô nhiễm cao thì thương mại lại làm cho nước đó bị gia tăng ô nhiễm môi trường, gây cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên.

1.2. HỆ THỐNG CÁC QUY ĐỊNH VÀ TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ MÔI

TRƯỜNG LIÊN QUAN ĐẾN THƯƠNG MẠI

1.2.1. Các phương pháp chế biến và sản xuất theo quy định môi trường (PPM)

Các tiêu chuẩn PPM quy định sản phẩm cần phải được sản xuất như thế nào và được áp dụng cho giai đoạn sản xuất, nghĩa là giai đoạn trước khi sản phẩm được tung ra bán ở thị trường. Về mặt môi trường, việc xem xét quy trình sản xuất là để giải quyết một trong 3 câu hỏi trọng tâm của quá trình quản lý môi trường: sản phẩm được sản xuất như thế nào, sản phẩm được sử dụng như thế nào và sản phẩm được vứt bỏ như thế nào và những quá trình này có làm tổn hại đến môi trường hay không.

1.2.2. Các yêu cầu về đóng gói bao bì

Các chính sách bao bì và đóng gói bao gồm những quy định liên quan đến nguyên vật liệu đóng gói, những quy định về tái sinh, những quy định về xử lý và thu gom sau quá trình sử dụng... Những tiêu chuẩn và quy định liên quan đến những đặc tính tự nhiên của sản phẩm và nguyên liệu đóng gói đòi hỏi việc đóng gói phải phù hợp với việc tái sinh hoặc dùng lại. Việc sử dụng các tiêu chuẩn về bao bì và đóng gói trong nhiều trường hợp sẽ ảnh hưởng đến cạnh tranh thương mại quốc tế.

1.2.3. Nhãn mác môi trường

Nhãn môi trường được dùng nhằm thông báo cho người người tiêu dùng về tính an toàn hoặc độc hại của sản phẩm đối với môi trường. Sản phẩm được dán nhãn sinh thái nhằm mục đích thông báo cho người tiêu dùng biết là sản phẩm đó được coi là tốt hơn về mặt môi trường.

1.2.4. Phí, thuế và các khoản thu liên quan đến môi trường

Phí, thuế và các khoản thu liên quan đến môi trường thường được áp dụng nhằm 3 mục tiêu chính: (i) thu lại các chi phí phải sử dụng cho môi trường; (ii) thay đổi các ứng xử của cá nhân và tập thể đối với các hoạt động có liên quan đến môi trường; và (iii) thu các quỹ cho hoạt động bảo vệ môi trường. Một số loại thuế, phí thường được sử dụng là thuế tiêu dùng, lệ phí sản phẩm, lệ phí phế thải và các lệ phí hành chính.

1.2.5. Các biện pháp kiểm dịch động thực vật

Các biện pháp kiểm dịch động thực vật bao gồm tất cả các luật, quy định, yêu cầu và thủ tục liên quan như: các tiêu chuẩn đối với sản phẩm cuối cùng; các phương pháp sản xuất và chế biến; các thủ tục xét nghiệm, giám định, chứng nhận và chấp thuận; những xử lý cách ly bao gồm các yêu cầu liên quan tới việc vận chuyển cây trồng và vật nuôi, hay các chất nuôi dưỡng chúng trong quá trình vận chuyển; những quy định về các phương pháp thống kê, thủ tục chọn mẫu và các phương pháp đánh giá rủi ro liên quan; các yêu cầu về đóng gói và nhãn mác liên quan trực tiếp tới an toàn thực phẩm.

1.2.6. Các tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật đối với sản phẩm

Tiêu chuẩn và quy định kỹ thuật đặt ra các yêu cầu liên quan chủ yếu tới kích thước, hình dáng, thiết kế, độ dài và các chức năng của sản phẩm. Mục đích của các tiêu chuẩn và quy định này là nhằm bảo vệ an toàn, sức khỏe con người, bảo vệ sức khỏe, đời sống động thực vật, bảo vệ môi trường.

1.3. TÁC ĐỘNG CỦA CÁC QUY ĐỊNH VÀ TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ HIỆN NAY

1.3.1. Tác động tích cực:

(1) Thuận lợi trong việc tiếp cận thị trường; (2) Có khả năng cạnh tranh cao hơn trong tương lai; (3) Làm thuận lợi hoá việc đàm phán quốc tế về các hiệp định thương mại và môi trường; (4) Làm thuận lợi quá trình tự do hoá thương mại; (5) Được hưởng các chính sách ưu đãi.

1.3.2. Tác động tiêu cực:

(1) Tạo ra rào cản trong thương mại quốc tế; (2) Hạn chế khả năng cạnh tranh; (3) Thách thức đối với các nước đang phát triển; (4) Thách thức đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN).

1.4. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ TRONG VIỆC ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHUẨN VÀ QUY ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG ĐỂ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1.4.1. Kinh nghiệm của Thái Lan:

Nâng cao hiểu biết về môi trường cho doanh nghiệp và các nhà quản lý; xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, ban hành các quy định về bao bì đóng gói, nhãn sinh thái, áp dụng các phương pháp sản xuất sạch, sử dụng các công cụ kinh tế như thuế, lệ phí môi trường; chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp như tín dụng, cung cấp thông tin, kỹ thuật và chuyên môn, khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn môi trường như ISO 14000, HACCP, CODEX...

1.4.2. Kinh nghiệm của Indonesia:

Chính sách trợ cấp đối với các hoạt động kinh tế thân thiện với môi trường như miễn thuế nhập khẩu đối với các thiết bị dùng để giảm ô nhiễm môi trường, trợ cấp cho các doanh nghiệp có các ứng dụng môi trường; lập quỹ quốc gia để giảm ô nhiễm; sử dụng các công cụ thị trường khác như thuế ô nhiễm, các loại phí; áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế như ISO 14000, ISO 9000; xây dựng nhãn hiệu sinh thái quốc

gia; tham gia vào các hiệp định thương mại và môi trường quốc tế.

1.4.3. Kinh nghiệm của Trung Quốc:

- Quy định danh mục hàng hoá xuất khẩu có ảnh hưởng đến môi trường như hàng cấm xuất nhập khẩu, hạn chế xuất nhập khẩu, hàng xuất nhập khẩu theo hạn ngạch.

- Kiểm tra giám sát hoạt động thương mại gây ô nhiễm thông qua việc ban hành quy định về kiểm nghiệm, kiểm dịch hàng xuất nhập khẩu.

- Sử dụng các chính sách thuế để hạn chế khai thác tài nguyên, quy định các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh có điều kiện để bảo vệ môi trường trong nước, tăng cường hợp tác giữa các Bộ ngành trong vấn đề bảo vệ môi trường...

1.4.4. Bài học đối với Việt Nam:

Giáo dục ý thức cộng đồng và nâng cao nhận thức về môi trường; Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn môi trường quốc gia; Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ; Đẩy mạnh đàm phán quốc tế; Đầu tư đổi mới công nghệ; Đào tạo nguồn nhân lực.

Chương 2

KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI MỘT SỐ MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM

2.1. THỰC TRẠNG XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM QUA VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC KHÍA CẠNH MÔI TRƯỜNG CỦA SẢN PHẨM XUẤT KHẨU

2.1.1. Đánh giá khái quát về thực trạng hoạt động xuất khẩu của Việt Nam thời kỳ 1991 - 2003

Xuất khẩu hiện nay là một trong những trụ cột chính của nền kinh tế Việt Nam, chiếm hơn 50% GDP. Tăng trưởng xuất khẩu thời kỳ 1991-2003 cao hơn tốc độ tăng GDP hơn 2,5 lần. Tỷ trọng xuất khẩu trên GDP tăng từ 21% năm 1991 lên 53% năm 2003. Tăng tỷ trọng và tốc độ tăng trưởng nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp. Thị trường xuất khẩu được mở rộng.

2.1.2. Một số vấn đề đặt ra liên quan đến khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu Việt Nam dưới góc độ môi trường

Xuất khẩu thô và sơ chế vẫn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam, trong đó các mặt hàng nhạy cảm về môi trường như nông sản, thủy sản, lâm sản. Nhiều mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam hiện nay như gạo, đồ uống, cà phê, rau quả, thủy sản, khoáng sản... đang gặp phải những rào cản môi trường. Thị trường xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam hiện nay cũng như trong tương lai là các thị trường mà ở đó khách hàng rất quan tâm đến vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm.

2.2. TÌNH HÌNH ĐÁP ỨNG CÁC QUY ĐỊNH VÀ TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG QUỐC TẾ CỦA MỘT SỐ MẶT HÀNG XUẤT KHẨU VIỆT NAM

2.2.1. Khả năng đáp ứng các quy định và tiêu chuẩn môi trường của các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu

Các tiêu chuẩn về bao bì và đóng gói: Các doanh nghiệp chỉ mới quan tâm đến vấn đề bao bì bởi vì chất lượng bao bì ảnh hưởng đến giá cả và thị hiếu tiêu dùng của dân chúng mà chưa quan tâm đến khía cạnh môi trường.

Tiêu chuẩn môi trường về nhãn sinh thái: Ở Việt Nam, tiêu chuẩn về dán nhãn sinh thái cho sản phẩm ít được các nhà sản xuất cũng như quản lý quan tâm. Việc có được chứng nhận nhãn môi trường đối với sản phẩm ở Việt Nam là một vấn đề khó khăn do chi phí cao.

Các tiêu chuẩn về phương pháp sản xuất, chế biến: Các doanh nghiệp hầu như không biết đến các tiêu chuẩn liên quan đến phương pháp chế biến quy định trong buôn bán quốc tế hiện nay.

Các tiêu chuẩn quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm: Các doanh nghiệp rất quan tâm đến các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm, am hiểu các quy định của nước nhập khẩu.

2.2.2. Khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường của một số mặt hàng xuất khẩu Việt Nam

Thủy sản: Đến hết năm 2003 đã có 177 doanh nghiệp trong tổng số 332 cơ sở đủ tiêu chuẩn xuất khẩu sang EU và Hoa Kỳ. Có 161 doanh nghiệp được Cục Quản lý chất lượng thực phẩm Hàn Quốc chấp thuận cho xuất khẩu sản phẩm vào thị trường nước này. Từng bước áp dụng các phương pháp đánh bắt hiện đại. Phương pháp nuôi trồng được giám sát kịp thời.

Những khó khăn của doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam trong việc đáp ứng các yêu cầu môi trường là kỹ thuật nuôi còn bất cập, thiết bị chế biến chậm được cải thiện do hạn chế về vốn, nhận thức của doanh nghiệp còn hạn chế, sự hỗ trợ của Nhà nước còn ít. Các rào cản doanh nghiệp gặp phải là PPM, SPS, HACCP, CODEX...

Gạo: Năng suất cao, chất lượng trung bình. Những rào cản môi trường là TBT và PPM. Việc sử dụng quá mức thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật trong nông nghiệp là lý do để các nước nhập khẩu áp dụng tiêu chuẩn nói trên đối với gạo của ta. Bên cạnh đó, hạn chế về công nghệ chế biến và bao gói cũng có thể là những lý do để các đối tác ghìm giá gạo của ta. Mặc dầu có năng suất trồng lúa cao hơn so với Thái Lan, nhưng giá gạo của ta chỉ bằng khoảng 80% so với gạo nước này. Do chất lượng gạo xuất khẩu hiện tại còn thấp, nên Việt Nam cần phải xem xét việc đầu tư công nghệ sau thu hoạch, chú trọng kiểm soát việc sử dụng các hoá chất trong khâu trồng và chế biến gạo, để tránh việc các nước nhập khẩu áp dụng các rào cản trong thương mại.

Cà phê: Mặc dù hệ thống tiêu chuẩn của cà phê Việt Nam hiện nay tương đối hoàn chỉnh, nhưng chất lượng cà phê chưa cao do quá trình chăm sóc, thu hái, phơi, sấy, chế biến và đóng gói chưa tuân thủ nghiêm ngặt quy trình kỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh công nghiệp trong các xưởng chế biến còn yếu. Ngoài những tác động đã đề cập trên đây, còn có một tác động môi trường tiềm tàng từ việc mở rộng diện tích đất trồng cà phê làm thu hẹp diện tích rừng, cạn nguồn nước ngầm, sử dụng hoá chất quá mức. Như vậy, xuất khẩu cà phê của Việt Nam có thể gặp phải những rào cản kỹ thuật (TBT), phương pháp sản xuất và chế biến (PPM), Vệ sinh an toàn thực phẩm CODEX, SPS.

Rau quả: Xuất khẩu hiện nay của ta chỉ chiếm khoảng 1% lượng rau quả thu hoạch. Lý do của tình trạng này là rau quả của Việt Nam chưa đảm bảo các yêu cầu về VSATTP do canh tác dàn trải, thiếu tập trung, quy trình trồng trọt, thu hoạch, bảo quản chế biến còn nhiều bất cập. So với tiềm năng, kim ngạch xuất khẩu rau quả của ta còn quá hạn chế. Hiện nay, rau quả của Việt Nam xuất khẩu chủ yếu sang Trung Quốc vì yêu cầu về các tiêu chuẩn môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm còn dễ dãi. Dư lượng độc tố và dư lượng vi sinh trong rau quả của ta khá cao do phương thức canh tác lạc hậu, tùy tiện, chạy theo lợi ích trước mắt. Thách thức lớn nhất đối với mặt hàng này là đáp ứng các quy định của Hiệp định SPS, tiêu chuẩn của CODEX.

Mặt hàng thịt: Thịt là một trong những mặt hàng xuất khẩu tiềm năng của Việt Nam nhưng ta chưa có thị trường để xuất khẩu. Hàng thịt xuất khẩu của Việt Nam mới tiếp cận được những thị trường có tiêu chuẩn VSATTP thấp, chưa vào được các thị trường khó tính như EU, Nhật Bản, Hoa Kỳ. Lý do là chưa đáp ứng các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm của nước nhập khẩu. Chăn nuôi còn theo cách thủ công, không tuân thủ các quy định về chế độ ăn uống, chăm sóc y tế, khâu chế biến còn lạc hậu, hệ thống quy định về thú y chưa phù hợp với thông lệ quốc tế. Đến nay, chưa có một nhà máy nào của ta được cấp chứng chỉ về tiêu chuẩn HACCP. Tiềm năng khẩu thịt của ta là rất lớn. Tuy nhiên, để có được thịt chất lượng cao phải vượt qua được các rào cản về môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm như HACCP, SPS, CODEX...

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHUẨN

MÔI TRƯỜNG CỦA MỘT SỐ MẶT HÀNG XUẤT KHẨU VIỆT NAM

2.3.1. Những mặt tích cực

Hàng thuỷ sản, nông sản của ta phần lớn đã được chấp nhận ở các thị trường có yêu cầu cao về an toàn sức khoẻ như EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản. Nhận thức của các doanh nghiệp, ngành và người tiêu dùng về các vấn đề môi trường ngày càng cao. Hệ thống quy định và tiêu chuẩn về môi trường ngày càng được hoàn thiện. Nước ta đã có hệ thống tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn ngành về chất lượng hàng hoá. Nhà nước đã có một số biện pháp hỗ trợ đối với doanh nghiệp.

2.3.2. Một số hạn chế:

Thứ nhất, có rất ít các doanh nghiệp có được chứng chỉ môi trường do các cơ quan quốc gia và quốc tế cấp như chứng chỉ ISO 14000, chưa có nhãn sinh thái.

Thứ hai, khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn về quá trình sản xuất và chế biến còn rất hạn chế. Có rất nhiều vi phạm trong lĩnh vực này như phương tiện đánh bắt hải sản còn bất hợp lý, nuôi trồng, chế biến thuỷ sản còn gây tác hại lớn đối với môi trường, gia tăng các mặt hàng xuất khẩu kéo theo những vấn đề môi trường.

Thứ ba, vi phạm các quy định về VSATTP còn khá phổ biến đối với các doanh nghiệp chế biến thuỷ sản, rau quả, thịt. Số lượng các doanh nghiệp có được chứng nhận đủ tiêu chuẩn xuất khẩu sang các thị trường như Hoa Kỳ, EU, Nhật bản còn quá ít so với tổng số các doanh nghiệp đang hoạt động.

2.3.3. Nguyên nhân của hạn chế:

(1) Hệ thống quy định và tiêu chuẩn về môi trường trong nước còn thiếu và chưa thực sự phù hợp với quy định quốc tế; (2) Nhận thức của doanh nghiệp và các cấp quản lý về các vấn đề thương mại môi trường trong hội nhập kinh tế quốc tế còn hạn chế; (3) Hạn chế về thông tin, về tài chính và khả năng, chuyên môn (4) Nhà nước có quá ít các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đáp ứng các quy định và tiêu chuẩn môi trường của nước nhập khẩu như hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo chuyên môn, cung cấp thông tin, ưu đãi vay vốn; (5) Công tác hoạch định chiến lược xuất khẩu, quy hoạch phát triển thương mại còn bất cập; (6) Chưa phát huy hết tác dụng vai trò của chính sách thương mại trong việc bảo vệ môi trường như chính sách bảo hộ hợp lý, chính sách tỷ giá hối đoái, chính sách trợ cấp; (7) Phối hợp giữa các cơ quan chức năng về các vấn đề thương mại và môi trường còn lỏng lẻo (8) Thực thi các chính sách còn chưa triệt để; (9) Trình độ chuyên môn về các vấn đề thương mại, môi trường của cấp quản lý và doanh nghiệp còn thấp; (10) Chậm trễ trong hội nhập kinh tế.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI MỘT SỐ MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM

3.1. QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG QUỐC TẾ

3.1.1. Bối cảnh quốc tế và trong nước ảnh hưởng đến việc đáp ứng các yêu cầu về môi trường nhằm đẩy mạnh xuất khẩu của nước ta trong thời gian tới

(1) Bối cảnh quốc tế: Quá trình tự do hoá thương mại ngày càng sâu sắc trong bối cảnh gia tăng các vấn đề môi trường toàn cầu. Thu nhập của người tiêu dùng được nâng cao nên nhu cầu về hàng hoá và dịch vụ thân thiện với môi trường cũng ngày càng cao. Bắt đầu từ vòng đàm phán Doha, Tổ chức thương mại thế giới sẽ đưa các vấn đề môi trường được thông qua tại hội nghị Bộ trưởng thương mại ở Singapore năm 1996 vào nội dung các cuộc đàm phán thương mại ở cấp song phương và đa phương. Sự tăng cường chính sách bảo hộ với những hàng rào kỹ thuật tinh vi của các nước công nghiệp phát triển tạo ra nhiều khó khăn mới cho phát triển xuất khẩu. Mức độ cạnh tranh của hàng hoá nông sản tăng. Hội nhập thương mại sẽ thúc đẩy nhanh quá trình hài hoà hoá các tiêu chuẩn khu vực và quốc tế.

(2) Tình hình trong nước: Chính phủ đã thông qua chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 mà một trong những nội dung cơ bản là cải thiện môi trường đang ngày càng xuống cấp, hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường nhằm chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Bảo tồn và phát

triển tài nguyên đa dạng sinh học là một trong những định hướng chiến lược của nước ta trong bối cảnh tự do hoá thương mại. Nhận thức của người tiêu dùng trong nước về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững được nâng cao. Trong thời gian từ nay đến 2010, xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế tự nhiên như nông sản, thủy sản vẫn là một trong những định hướng xuất khẩu chủ đạo.

3.1.2. Quan điểm phát triển xuất khẩu đáp ứng yêu cầu môi trường của thị trường tế giới và bảo vệ môi trường ở nước ta

(1) Phát triển xuất khẩu theo hướng khai thác tối đa tiềm năng và lợi thế sẵn có về điều kiện tự nhiên. Đẩy mạnh xuất khẩu là một định hướng chiến lược lâu dài để phát triển kinh tế Việt Nam trong nhiều thập kỷ tới. Nông sản và một số mặt hàng có nguồn gốc thiên nhiên đang là những nhóm hàng đang có khả năng cạnh tranh cao và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Mặc dù còn có một số hạn chế về cơ cấu trong việc khai thác các mặt hàng xuất khẩu có nguồn gốc tự nhiên như diện tích, khả năng đánh bắt, nuôi trồng, môi trường sinh thái, nhưng nhiều mặt hàng tiềm năng vẫn chưa khai thác để tăng kim ngạch như nhóm hàng rau quả và thịt. Hạn chế lớn nhất ở đây chất lượng sản phẩm thấp do không tuân thủ các quy định về bao bì, đóng gói, quy trình nuôi trồng, chế biến và yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm.

(2) Phát triển xuất khẩu theo hướng mở rộng khu vực thị trường, thực hiện các cam kết quốc tế về thương mại và môi trường nhằm chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Là một nước xuất khẩu nhiều mặt hàng nhạy cảm với môi trường như nông sản, thủy sản, khoáng sản, giày da, may mặc..., việc mở rộng thương mại quốc tế của Việt Nam trong những năm tới sẽ gặp phải những trở ngại do các nước

áp dụng ngày càng nhiều các hàng rào môi trường trong thương mại quốc tế. Hơn nữa, trong những năm tới nước ta sẽ đẩy mạnh hội nhập, phải thực hiện các cam kết về thương mại và môi trường đã và sẽ ký kết. Do đó, việc đáp ứng các quy định và tiêu chuẩn môi trường đã được cam kết là bắt buộc và các yêu cầu môi nói trên sẽ ngày càng cao hơn. Đáp ứng các yêu cầu về môi trường sẽ giúp ta mở rộng hơn nữa thị trường để tăng trưởng xuất khẩu và hội nhập sâu hơn vào hệ thống thương mại toàn cầu.

(3) Phát triển xuất khẩu theo hướng bảo vệ người tiêu dùng, bảo tồn và phát triển tài nguyên đa dạng sinh học, hạn chế ô nhiễm môi trường, đảm bảo phát triển bền vững. Xuất khẩu nước ta trong những năm qua đạt được nhiều thành tựu đáng kể, đóng góp ngày càng nhiều vào sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội của cả nước. Tuy nhiên, hoạt động này trong điều kiện tự do hoá thương mại đang có nguy cơ làm tăng thêm ô nhiễm môi trường sinh thái, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên. Việc sử dụng, khai thác không tính đến những tác động môi trường, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu xuất khẩu không theo hướng sử dụng công nghệ tiên tiến và thâm dụng lao động sẽ dẫn đến việc khai thác quá mức nguồn tài nguyên thiên nhiên và sử dụng kém hiệu quả các yếu tố đầu vào phục vụ cho xuất khẩu, ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ và nòi giống con người Việt Nam. Điều này sẽ ảnh hưởng đến phát triển thương mại bền vững trong tương lai. Đáp ứng các quy định và tiêu chuẩn môi trường đối với hàng xuất khẩu sẽ góp phần hạn chế được những tác động nói trên.

3.1.3. Định hướng phát triển xuất khẩu đáp ứng các yêu cầu môi trường trong thương mại quốc tế:

- Tập trung khai thác lợi thế tự nhiên của các mặt hàng xuất khẩu

như gạo, cà phê, thủy sản rau quả, thịt gia súc gia cầm trên cơ sở tuân thủ các quy định môi trường trong nước và quốc tế để hạn chế tác động tiêu cực đối với môi trường.

- Phát triển nông nghiệp hữu cơ để hạn chế tác động môi trường và thoả mãn tốt nhu cầu người tiêu dùng.

- Mở rộng xuất khẩu sang các thị trường có yêu cầu môi trường thấp hơn để tránh được những rào cản môi trường đang bất lợi đối với doanh nghiệp nước ta.

- Phấn đấu đến năm 2010, 100% cơ sở có chứng nhận ISO 14000

- Nâng cao tỷ trọng hàng xuất khẩu chế biến để tăng giá trị xuất khẩu nhằm hạn chế khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên, đồng thời giảm được các chi phí liên quan đến đóng gói, vận chuyển, bảo quản.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG NHẪM ĐẨY MẠNH XUẤT KHẨU

3.2.1. Ở cấp độ quốc gia

(1) Giáo dục ý thức cộng đồng và nâng cao nhận thức về môi trường đối với các cơ quan quản lý và doanh nghiệp: Đào tạo và tuyên truyền về an toàn thực phẩm; Nâng cao nhận thức về các lợi ích mà việc đáp ứng các yêu cầu về môi trường mang lại cho quốc gia và doanh nghiệp; Nâng cao nhận thức, ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường và thay đổi sở thích tiêu dùng hàng hóa theo hướng có lợi cho môi trường; Tìm kiếm thông tin và điều kiện dễ dàng để kiểm nghiệm các sản phẩm bị cấm trên thế giới và hậu quả môi trường của chúng, đồng thời phổ cập các thông tin nói trên cho các Bộ, ngành hữu quan.

(2) Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia: Xây dựng các tiêu chuẩn có

thể cạnh tranh với các tiêu chuẩn quốc tế và phù hợp với điều kiện trong nước; Phối hợp giữa các cơ quan soạn thảo và các doanh nghiệp, tham khảo ý kiến của các chuyên gia trong việc xây dựng và ban hành tiêu chuẩn; Tăng cường cơ sở hạ tầng trong nước như các cơ sở đào tạo, thử nghiệm và cấp chứng nhận; Mở rộng mạng lưới quốc gia và khu vực về các phòng thử nghiệm cũng như tăng cường sự phối hợp khu vực để tổ chức chứng nhận và thử nghiệm; Tranh thủ sự trợ giúp về kỹ thuật và chuyên gia của các tổ chức tiêu chuẩn, môi trường quốc tế; tăng cường công tác đào tạo đội ngũ chuyên.

(3) *Đổi mới công nghệ và phát triển doanh nghiệp:* Nhà nước cần có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng công nghệ mới để chế biến và đóng gói các sản phẩm thân thiện với môi trường; Thúc đẩy phát triển công nghệ sạch; Phát triển doanh nghiệp để tăng cường chất lượng môi trường của sản phẩm và các quá trình sản xuất nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế.

(4) *Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ:* Cải thiện việc cung cấp kịp thời chính xác các thông tin; Hỗ trợ kỹ thuật, tài chính và nhân lực cho DNVVN trong việc xây dựng hệ thống quản lý môi trường cũng như áp dụng các quy định và tiêu chuẩn môi trường khác; Tạo ra sự sẵn có các nguyên liệu đầu vào thân thiện với môi trường cho DNVVN; Thúc đẩy sự hợp tác giữa các doanh nghiệp DNVVN với các doanh nghiệp khác có kinh nghiệm trong việc áp dụng các quy định và tiêu chuẩn môi trường.

(5) *Tham gia rà soát hiệp định, xây dựng tiêu chuẩn quốc tế và tận dụng quyền nhận xét các quy định và tiêu chuẩn quốc tế.* Để đáp ứng đầy đủ các quy định và tiêu chuẩn sản phẩm của các nước xuất

khẩu, kinh nghiệm quốc tế cho thấy các quốc gia cần tiến hành các biện pháp như rà soát lại Hiệp định, quy định, tiêu chuẩn có liên quan đến lĩnh vực kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước, tham gia vào các hoạt động tiêu chuẩn quốc tế, tận dụng đầy đủ quyền nhận xét dự thảo các tiêu chuẩn và các quy định quốc tế thông qua các cơ quan liên quốc gia và các tổ chức quốc tế.

3.2.2. Ở cấp độ doanh nghiệp

(1) Đầu tư đổi mới công nghệ. Cải tiến, nâng cao kỹ thuật của các trang thiết bị xử lý chất thải; Thay đổi công nghệ độc hại gây ô nhiễm bằng các công nghệ sạch ít gây ô nhiễm hơn hoặc không gây ô nhiễm; Nhập khẩu các máy móc thiết bị và công nghệ hiện đại, ưu tiên các công nghệ nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất, ít gây ô nhiễm môi trường; Điều chỉnh cơ cấu sản xuất, từng bước chuyển sang sản xuất sạch, tiến tới phổ cập tiêu chuẩn ISO 14000 ở tất cả các doanh nghiệp, mở rộng việc dán nhãn sinh thái cho tất cả các sản phẩm có liên quan đến môi trường;

(2) Xây dựng chiến lược kinh doanh dài hạn có tính đến các tác động của các quy định tiêu chuẩn và quy định môi trường của sản phẩm. Doanh nghiệp phải nhận thức được những cơ hội và thách thức trong quá trình hội nhập, trong đó có các áp lực phải tuân thủ các quy định và tiêu chuẩn về môi trường của sản phẩm. Cần có chiến lược về sản phẩm, khai thác có hiệu quả các lợi thế so sánh quốc gia trong lựa chọn sản phẩm kinh doanh, chú trọng đến khâu nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, hiện đại hoá khâu thiết kế sản phẩm, chọn lựa hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trên thế giới phù hợp với doanh

ng nghiệp để nâng cao chất lượng sản phẩm.

(3) Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9000, ISO 14000, HACCP. Tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế là một trong biện pháp tốt nhất để có được sự công nhận quốc tế về hàng hoá xuất khẩu của doanh nghiệp. Thực tế hiện nay cho thấy việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế làm tăng đáng kể khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp nhận các nguồn lực để phát triển và tạo ra uy tín đáng tin cậy đối với người tiêu dùng.

(4) Đào tạo nguồn nhân lực: Xây dựng tổ chức quản lý môi trường trong doanh nghiệp; Chuẩn bị nhân lực để điều hành hoạt động quản lý môi trường của công ty.

(5) Tăng cường công tác thông tin: Ngoài sự hỗ trợ thông tin của các cơ quan chức năng, các doanh nghiệp cần chủ động trong việc tiếp cận các nguồn thông tin thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thông quốc tế, các tổ chức trong nước và quốc tế, các bạn hàng. Các thông tin về các quy định và tiêu chuẩn của sản phẩm xuất khẩu hiện nay được các tổ chức, hãng công bố công khai trên mạng .

3.3. GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI MỘT SỐ NHÓM SẢN PHẨM

3.3.1. Nông sản:

Cần có quy hoạch ổn định cho các vùng cây trồng; Xây dựng hệ

thống canh tác có hiệu quả; Chọn lọc, lai tạo các giống cây trồng vật nuôi có năng suất, có chất lượng cao, thích nghi với từng vùng và có khả năng chống sâu bệnh; Ban hành các văn bản có tính pháp lý để quản lý sản xuất nông nghiệp; Xây dựng các chính sách khuyến khích, hỗ trợ nông dân sản xuất hàng hoá có chất lượng; Phát triển nông nghiệp hữu cơ; Tìm hiểu các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm của các nước và các quy định khác liên quan đến xuất khẩu nông sản.

3.3.2. Thủy sản:

Quy hoạch vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, áp dụng các biện pháp quản lý quá trình nuôi; Khai thác song song với bảo tồn; Xem xét đánh giá tác động môi trường trước khi cấp phép các dự án đầu tư sản xuất thủy sản; Có chính sách cân đối giữa khai thác nguồn lợi tự nhiên và nuôi trồng; áp dụng các biện pháp đánh bắt hiện đại để bảo vệ nguồn lợi thủy sản; Xây dựng hệ thống kiểm tra chất lượng thủy sản xuất khẩu đồng bộ rộng khắp, có những hỗ trợ nhất định để doanh nghiệp có được các chứng nhận về quy định, tiêu chuẩn VSATTP; Tăng cường công tác thông tin về thị trường và hệ thống tiêu chuẩn VSATTP của các nước nhập khẩu.

KẾT LUẬN

Cùng với việc mở cửa thị trường, nới lỏng các rào cản thương mại, hàng hoá và dịch vụ Việt Nam sẽ có điều kiện để tiếp cận nhiều khu vực thị trường thế giới. Tuy nhiên, bên cạnh đó, những rào cản kỹ thuật, trong đó có các rào cản môi trường trong thương mại quốc tế sẽ là trở ngại đối với Việt Nam, một nước đang xuất khẩu nhiều mặt hàng nhạy cảm về môi trường. Trong điều kiện đó việc tìm hiểu các quy định và tiêu chuẩn môi trường quốc tế để có những giải pháp cho hàng hoá và dịch vụ Việt Nam vượt qua các rào cản này là hết sức cần thiết. Một mặt, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu Việt Nam, mặt khác bảo vệ môi trường sinh thái, thực hiện tốt hơn các cam kết quốc tế về thương mại và môi trường, hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới.

Trong điều kiện năng lực cạnh tranh của hàng xuất khẩu của Việt Nam còn thấp, các doanh nghiệp nước ta đang đối mặt với nhiều vấn đề khó khăn như hạn chế về vốn, tiếp cận thông tin, trình độ đội ngũ, thì việc đáp ứng các yêu cầu về môi trường của nước nhập khẩu là một thách thức rất lớn đối với doanh nghiệp. Những nỗ lực để có được các chứng nhận về môi trường trong nhiều trường hợp có thể làm giảm khả năng tiếp cận thị trường của hàng hoá, kéo theo gánh nặng về tài chính cho doanh nghiệp. Vì vậy, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ nhất định cho các doanh nghiệp này trong việc xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, cung cấp thông tin, hợp tác quốc tế và khu vực để hài hoà tiêu chuẩn. Các doanh nghiệp cần có chiến lược kinh doanh dài hạn, tính đến những tác động của các rào cản môi trường để có những giải pháp thích hợp cho hoạt động kinh doanh khi nước ta thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế về thương mại và môi trường.